

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Trung định hướng Biên phiên dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)</i>	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6
4	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3
Cộng			14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6
9	CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6
10	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3
(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
Cộng			18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
14	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3
15-16		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học</i>	6	6
	FLF1059	Tiếng Việt thực hành	3	3
	VLF1053**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
Cộng			17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
19	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
20	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
Cộng			19	25

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6
26	CHI2049	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3	3
27	CHI2036	Đất nước học Trung Quốc	3	3
28	CHI3068	Phiên dịch Việt- Trung	3	3
29	CHI3070	Biên dịch Việt- Trung	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3
32	CHI3008	Phiên dịch nâng cao Trung Việt	3	3
33	CHI3009	Biên dịch nâng cao Trung Việt	3	3
34	CHI3035	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
35	CHI2037	Văn học Trung Quốc	3	3
36-37		Tự chọn IV.2.2	6	6
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Nghành/ Định hướng: Ngôn ngữ Trung định hướng Biên phiên dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)</i>	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
4	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
Cộng			14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
8	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
7	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
8	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
Cộng			15	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
9	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
10	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
11	CHI2093	Đọc hiểu tác phẩm văn học Trung Quốc	3	3
12	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6
13	CHI2096	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	3	3
14	CHI2039	Kỹ năng sử dụng Tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
Cộng			23	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	CHI2092	Kỹ năng truyền đạt thông tin Trung Việt	3	3
19	CHI2094	Báo chí và truyền thông	3	3
20	CHI2095	Khẩu ngữ Tiếng Trung Quốc thương mại	3	3
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22-23		Tự chọn khối II	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
Cộng			19	19

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	CHI2049	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3	3
26	CHI2036	Đất nước học Trung Quốc	3	3
27	CHI3068	Phiên dịch Việt- Trung	3	3
28	CHI3070	Biên dịch Việt- Trung	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3
31	CHI3008	Phiên dịch nâng cao Trung Việt	3	3
32	CHI3009	Biên dịch nâng cao Trung Việt	3	3
33	CHI3035	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
34	CHI2037	Văn học Trung Quốc	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Nghành/ Định hướng: Ngôn ngữ Trung định hướng Kinh tế

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)</i>	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6
4	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FL1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6
9	CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6
10	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3
		(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FL1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
14	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
15	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3
16-17		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì</i>	6	6
	FL1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FL1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FL1056	Tư duy phê phán	3	3
	FL1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FL1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FL1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FL1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FL1054	Thư pháp	3	3
	FL1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
20	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
21	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
23-24		Tự chọn khối II.2	6	6
	FL1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FL1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FL1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FL1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FL1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FL1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	19	25

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6
27	CHI2049	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3	3
28	CHI2036	Đất nước học Trung Quốc	3	3
29	ENG2046	Kinh tế vi mô - vĩ mô	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3
33	CHI3033	Kinh tế Trung Quốc đương đại	3	3
34	CHI3054	Tiếng Trung Quốc giao tiếp trong kinh doanh	3	3
35	CHI3032	Quản trị Doanh nghiệp	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Trung định hướng Kinh tế

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
4	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
		Cộng	14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
9	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
		Cộng	15	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	CHI2093	Đọc hiểu tác phẩm văn học Trung Quốc	3	3
13	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6
14	CHI2096	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	3	3
15	CHI2039	Kỹ năng sử dụng Tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3
16-17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
		Cộng	23	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	CHI2094	Báo chí và truyền thông	3	3
20	CHI2095	Khẩu ngữ Tiếng Trung Quốc thương mại	3	3
21	CHI2092	Kỹ năng truyền đạt thông tin Trung Việt	3	3
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2	6	6
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	19	19

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	CHI2049	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3	3
27	CHI2036	Đất nước học Trung Quốc	3	3
28	ENG2046	Kinh tế vi mô - vĩ mô	3	3
29	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3
32	CHI3033	Kinh tế Trung Quốc đương đại	3	3
33	CHI3054	Tiếng Trung Quốc giao tiếp trong kinh doanh	3	3
34	CHI3032	Quản trị Doanh nghiệp	3	3
35	CHI2037	Văn học Trung Quốc	3	3
36-37		Tự chọn khối IV.2.2	6	6

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Ngành/ Định hướng: Sư phạm tiếng Trung

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6
4	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6
9	CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6
10	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3
		(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
14	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	PSF3007	Tâm lý học	3	3
19	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
20	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
21	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3
		(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
22	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
23-24		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	22	28

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	PSF3008	Giáo dục học	3	3
27	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa Trung

Nghành/ Định hướng: Sư phạm tiếng Trung

Dành cho SV có năng lực tiếng Trung bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6
4	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6
Cộng			14	20

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
9	CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
Cộng			15	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
11	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
12	CHI2093	Đọc hiểu tác phẩm văn học Trung Quốc	3	3
13	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6
14	CHI2096	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	3	3
15	CHI2039	Kỹ năng sử dụng Tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3
16-17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học)	6	6
	FLF1059	Tiếng Việt thực hành	3	3
	VLF1053**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1002**	Logic học đại cương	3	3
	PHI1051**	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1056	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	FLF1050	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	HIS1053**	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1057	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1052	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1053	Thư pháp	3	3
	FLF1054	Cổ học tinh hoa	3	3
	FLF1055	Cộng	23	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	PSF3007	Tâm lý học	3	3
20	CHI2092	Kỹ năng truyền đạt thông tin Trung Việt	3	3
21	CHI2094	Báo chí và truyền thông	3	3
22	CHI2095	Khẩu ngữ Tiếng Trung Quốc thương mại	3	3
23	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
24-25		Tự chọn khối II	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
Cộng			22	22

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
26	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
27	PSF3008	Giáo dục học	3	3
28	CHI2049	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 1	3	3
29	CHI2036	Đất nước học Trung Quốc	3	3
30	CHI3038	Lý luận giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	CHI2050	Ngôn ngữ học Tiếng Trung Quốc 2	3	3
34	CHI3049	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3
35-36		Tự chọn IV.2.2	6	6

